

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2019/DS-PT

Ngày: 13-11-2019

V/v tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt
hành vi cản trở trái pháp luật về
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1 Bà Phạm Thị Hồng Vân;

2 Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp “ Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019, của Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 300/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ R, ấp A, xã G, huyện D, tỉnh N; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Mộng S, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị G, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ R, ấp A, xã G, huyện D, tỉnh N; ông S có mặt; bà G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Mộng S và bà Phạm Thị G là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-11-2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17-4-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 2013 bà cùng các chị, em là bà Nguyễn Mộng H , bà Nguyễn Mộng F , bà Nguyễn Mộng S và bà Nguyễn Mộng X khởi kiện ông Nguyễn Mộng S, bà Phạm Thị G và ông Nguyễn Mộng H đến Tòa án nhân dân huyện D về tranh chấp thừa kế tài sản. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2014/DSST ngày 31-7-2014 của Tòa án nhân dân huyện D và Bản án dân sự phúc thẩm số 14/2015/DSPT ngày 15-01-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định chia thừa kế cho bà phần đất có diện tích 211 m², tọa lạc ấp A, xã G, huyện D, tỉnh N. Ngày 09-7-2018, bà được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 480099, diện tích 211 m², tại thửa số 850, tờ bản đồ số 17.

Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay, bà không quản lý, sử dụng phần đất được thừa kế của cha, mẹ vì trên diện tích đất bà được giao có tài sản của ông S, bà G gồm: 03 cây Xoài, 02 cây Mít, 06 cây Bưởi, 04 cây Chanh, 09 cây Mai, 08 bụi chuối, 32 bụi thom, 03 cây Lòng mứt, 01 cây Dừa, 12 bụi bình tinh, 06 chậu kiểng trồng 06 cây Mai, 01 giếng nước đào, 01 bàn thờ Vọng thiên và 01 chuồng gà, số tài sản này khi giải quyết chia di sản thừa kế các bên không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình đối với phần đất được thừa kế, bà yêu cầu ông S, bà G di dời 06 chậu kiểng trồng 06 cây Mai, 01 bàn thờ Vọng thiên, 01 chuồng gà và san lấp lại 01 giếng nước. Riêng 03 cây Xoài, 02 cây Mít, 06 cây Bưởi, 04 cây Chanh, 09 cây Mai, 08 bụi chuối, 32 bụi thom, 03 cây Lòng mứt, 01 cây Dừa và 12 bụi bình tinh bà đồng ý nhận và bồi thường bằng giá trị theo kết quả định giá tài sản với số tiền 4.021.000 đồng cho ông S, bà G.

Bị đơn ông Nguyễn Mộng S trình bày: Ông S thừa nhận có việc Tòa án nhân dân huyện D và Tòa án nhân dân tỉnh N giải quyết chia di sản thừa kế của cha, mẹ chết để lại như bà T trình bày. Theo quyết định của 02 bản án, bà T được chia phần đất có diện tích 211 m², trên đất chia cho bà T có tài sản của vợ chồng ông gồm cây trồng, chuồng gà, giếng nước... hình thành từ khoảng năm 1990, nhưng khi xét xử cả 02 bản án đều không giải quyết đến các tài sản này là vi phạm Khoản 2 Điều 117 của Luật Thi hành án dân sự: “*Trường hợp tài sản gắn liền với đất có trước khi có bản án, quyết định sơ thẩm nhưng bản án, quyết định được thi hành không tuyên rõ việc xử lý đối với tài sản đó thì cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu Tòa án đã ra bản án, quyết định giải thích rõ việc xử lý đối với tài sản hoặc đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét lại nội dung bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm*”. Ông đã khiếu nại bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội. Việc bà T không quản lý, sử dụng đất được chia do lỗi của cơ quan Thi hành án dân sự huyện D, không phải

lỗi của ông, nên ông không đồng ý di dời tài sản hay san lấp giếng nước trên đất của bà T và cũng không đồng ý bà T bồi thường bằng giá trị các tài sản cho ông.

Bị đơn bà Phạm Thị G trình bày: Thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Mộng Svà không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2019/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 147, 157, 165 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 164, 169 và 185 Bộ luật Dân sự; Điều 166 của Luật Đất đai; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Mộng Svà và bà Phạm Thị G về “Tranh chấp dân sự về di dời tài sản trên đất”.

Buộc ông Nguyễn Mộng Svà và bà Phạm Thị G phải di dời các tài sản gồm: 06 chậu kiểng trồng 06 cây Mai, mỗi cây đường kính 5-10 cm; 01 bàn thờ Vọng thiên diện tích 1,275 m², mái bằng xi măng, nền gạch, vách bê tông; 01 chuồng gà diện tích 13,65 m², mái tole, vách cây, nền đất và san lấp lại 01 giếng nước đào đường kính 01m, nền xi măng.

Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu các tài sản gồm: 03 cây Xoài, mỗi cây đường kính 20 cm; 02 cây Mít, mỗi cây đường kính 20 cm; 06 cây Bưởi, mỗi cây đường kính nhỏ hơn 10 cm; 04 cây Chanh, mỗi cây đường kính 10 cm; 09 cây Mai, mỗi cây đường kính từ 3-4 cm; 08 bụi chuối, mỗi bụi dưới 3 cây; 32 bụi thơm đường kính dưới 10 cm; 03 cây Lòng mứt, mỗi cây đường kính từ 5-10 cm; 01 cây Dừa chưa có trái, 12 bụi bình tinh, có diện tích 4 m².

Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ T toán lại cho ông Svà và bà G giá trị các tài sản trên với số tiền là 4.021.000 đồng (bốn triệu, không trăm hai mươi một nghìn).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08-8-2019, ông Nguyễn Mộng S và bà Phạm Thị G kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Mộng S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu Ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Ông Nguyễn Mộng S và bà Phạm Thị G kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T,

nhưng không cung cấp được chứng cứ cho yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S và bà G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Mộng S và bà Phạm Thị G yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T thấy rằng: Ngày 09-7-2018, bà T được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 480099, diện tích 211 m², tại thửa số 850, tờ bản đồ số 17, tọa lạc ấp A, xã G, huyện D, tỉnh N được chia di sản thừa kế theo Bản án dân sự phúc thẩm số 14/2015/DSPT ngày 15-01-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh N. Quá trình giải quyết tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất, các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản trên đất để tự thương lượng, nên Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm không xem xét giải quyết

[2] Ông S, bà G cho rằng: Bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh N không giải quyết các tài sản trên đất được chia cho bà T là vi phạm Khoản 2 Điều 117 Luật Thi hành án dân sự và đã khiếu nại đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố M và Tòa án nhân dân tối cao. Ngày 20-4-2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố M ra Thông báo số 332/TB-TA về việc Giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm gửi cho ông S, bà G đã nêu không có cơ sở để xem xét đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 14/2015/DSPT ngày 15-01-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh; ngày 09-5-2019, Tòa án nhân dân tối cao có Thông báo số 149/TB-TA về việc Giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm gửi cho ông S, bà G cũng xác định không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 14/2015/DSPT ngày 15-01-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Do đó, Tòa án nhân dân huyện D và Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử vụ án dân sự về tranh chấp thừa kế tài sản giữa bà T với ông S, bà G là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Bà T được hưởng phần di sản thừa kế của cha, mẹ chết để lại là quyền sử dụng đất theo bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không sử dụng được do có sự cản trở của ông S, bà G vì trên phần đất này ông, bà đã trồng cây và có các tài sản khác nhưng không đồng ý tháo dỡ, di chuyển ra khỏi đất bà T. Bà T yêu cầu ông S, bà G chấm dứt hành vi cản quyền sử dụng đất của bà và giải quyết tài sản trên đất là có cơ sở. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp dân sự về di dời tài sản trên đất” là chưa chính xác. Do đó, cấp phúc thẩm

xác định lại cho đúng quan hệ tranh chấp là “ Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về quyền sử dụng đất ”.

[4] Xét việc ông S, bà G cho rằng Tòa án nhân dân huyện D thành lập Hội đồng định giá và tiến hành định giá tài sản tranh chấp là không đúng theo quy định của pháp luật là không có cơ sở, vì ngày 05-3-2019 Tòa án nhân dân huyện D ra Quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá đúng theo quy định tại Điều 97 và Điều 104 Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho các đương sự, nhưng ông S, bà G không đến tham gia định giá đối với tài sản tranh chấp, Tòa án trực tiếp đến nhà của ông, bà làm việc và thông báo sau khi có kết quả định giá, ông S, bà G không đồng ý với kết quả định giá nhưng không yêu cầu định giá lại. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S yêu cầu Tòa án định giá lại tài sản tranh chấp nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh việc định giá của Hội đồng định giá có vi phạm Khoản 5 Điều 104 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên không được chấp nhận.

[5] Trên diện tích đất 211 m² được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T đứng tên, trước đó ông S, bà G tự ý trồng 03 cây Xoài, 02 cây Mít, 06 cây Bưởi, 04 cây Chanh, 09 cây Mai, 08 bụi chuối, 32 bụi thơm, 01 cây Dừa, 03 cây Lòng mừc và 12 bụi bình tinh, dựng 01 chuồng gà, đào 01 giếng nước và xây bàn thờ Vọng thiên không ai biết và không có sự đồng ý của các anh, em. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà T đồng ý nhận số cây trồng trên đất và T toán bằng giá trị cho ông Sương, bà G theo kết quả định giá số tiền 4.021.000 đồng, nên ghi nhận.

Đối với các tài sản gồm: 06 chậu kiểng trồng 06 cây Mai, 01 chuồng gà buộc ông S, bà G di chuyển ra khỏi diện tích đất 211 m² của bà T, được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Riêng 01 giếng nước đào, 01 bàn thờ Vọng thiên trên diện tích 211 m² bà T được chia di sản thừa kế, Hội đồng định giá xác định không còn giá trị sử dụng, nên không định giá, do đó giao cho bà T quản lý, sử dụng, không buộc ông S, bà G san lấp lại, di dời.

[6] Vụ án được Tòa án nhân dân huyện D mở phiên tòa xét xử ngày 03-7-2019 và phiên tòa tạm ngừng, đến ngày 18-7-2019 phiên tòa tiếp tục xét xử lại, nhưng Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện D chỉ ghi ngày 18-7-2019 là chưa đúng theo hướng dẫn mẫu viết bản án, cần rút kinh nghiệm.

[7] Bà T khởi kiện yêu cầu ông S, bà G di dời tài sản ra khỏi diện tích đất của bà được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T xác định các tài sản trên đất của bà là của ông S, bà G bà không tranh chấp về chiếm hữu đối với tài sản này, do đó cấp sơ thẩm áp dụng Điều 185 Bộ luật Dân sự khi giải quyết là không đúng.

[8] Bà T đồng ý nhận số tài sản là cây trồng trên đất và đồng ý T toán bằng giá trị cho ông S, bà G theo kết quả định giá với số tiền 4.021.000 đồng, nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Mộng S và bà Phạm Thị G.

[10] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông S và bà G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Mộng S và bà Phạm Thị G

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST, ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh về quan hệ tranh chấp và án phí.

2. Căn cứ Điều 164, 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 của Luật Đất đai.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp “ Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về quyền sử dụng đất” đối với ông Nguyễn Mộng S và bà Phạm Thị G.

2.2. Buộc ông Nguyễn Mộng S và bà Phạm Thị G phải di chuyển các tài sản gồm: 06 chậu kiểng trồng 06 cây Mai, mỗi cây đường kính 5-10 cm; 01 chuồng gà có đặc điểm: mái tôn, vách cây, nền đất, diện tích 13,65 m² ra khỏi thửa đất số 850, tờ bản đồ số 17, diện tích đất 211 m² của bà Nguyễn Thị T, được Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 09-7-2018.

2.3. Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu các tài sản gồm: 03 cây Xoài từ 03 đến 05 năm tuổi (mỗi cây đường kính 20 cm); 02 cây Mít từ 01 đến 03 năm tuổi (mỗi cây đường kính 20 cm); 06 cây Bưởi dưới 01 năm tuổi (mỗi cây đường kính nhỏ hơn 10 cm); 04 cây Chanh dưới 01 năm tuổi (mỗi cây đường kính 10 cm); 01 cây Dừa chưa có trái; 09 cây Mai, mỗi cây đường kính từ 3-4 cm; 08 bụi chuối, mỗi bụi dưới 03 cây; 32 bụi thơm; 03 cây Lồng mực, mỗi cây đường kính từ 5-10 cm và 12 bụi bình tinh, diện tích 04 m².

2.4. Giao cho bà Nguyễn Thị T được quản lý, sử dụng 01 bàn thờ Vọng thiên có đặc điểm: mái xi măng, nền gạch, vách bê tông, diện tích 1,275 m²; 01 giếng nước đào đường kính 01m, nền bằng xi măng.

Toàn bộ số cây trồng, giếng nước, bàn thờ Vọng thiên trên thửa đất số 850, tờ bản đồ số 17, diện tích đất 211 m² được Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09-7-2018 cho bà Nguyễn Thị T, tọa lạc tại ấp A, xã G, huyện D, tỉnh N.

2.5. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ T toán giá trị tài sản cho ông Nguyễn Mộng S và bà Phạm Thị G số tiền là 4.021.000 đồng (bốn triệu, không trăm hai mươi một nghìn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Mộng S và bà Phạm Thị G phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ghi nhận bà T đã ứng nộp và chi phí xong, nên ông S, bà G có nghĩa vụ trả lại cho bà T 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Mộng S và bà Phạm Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn) theo 02 biên lai thu số 0008621 ngày 07 tháng 01 năm 2019 và biên lai thu số 0009052 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; bà T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 300.000 đồng (ba trăm nghìn).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Mộng S và bà Phạm Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu số 0009578 ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện G, tỉnh N;
- CCTHADS huyện G, tỉnh N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Vũ